



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính.

Số chứng thực.....**05663.02**.....Quyển số.....SCT/BS

Ngày.....**10.08.10**.....tháng.....năm.....

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 3-QUẬN 3



Nguyễn Thị Lan Anh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Truyền thông Thanh niên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2006. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã sáu lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần gần nhất vào ngày 17/12/2009 với số đăng ký kinh doanh mới là 0304173170. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty có 2 Chi nhánh bao gồm:

- Chi nhánh Nhà in Thanh niên Đà Nẵng – Lô C4, Thanh Lộc Đán, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên – Số 26 – 81/35, đường Linh Lang, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Báo Thanh niên là 51%.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2009: 98.798.500.000 đồng (Chín mươi tám tỷ, bảy trăm chín mươi tám triệu, năm trăm ngàn đồng).

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 248 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Văn phòng giao dịch : 2B Cao Thắng, Phường 5, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) - 08 39291846
- Fax: (84) - 08 39291841

Ngành nghề kinh doanh chính

- Dịch vụ quảng cáo, thương mại;
- Tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại;
- In ấn và phát hành sách báo, văn hóa phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không tổ chức và hoạt động tại trụ sở);
- Mua sách báo, văn hóa phẩm có nội dung được phép lưu hành;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh nhà, môi giới bất động sản;
- Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng ngành in;
- Dịch vụ tư vấn du học, giáo dục bậc trung học, đào tạo nghề;
- Kinh doanh lưu hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn nhà hàng (không kinh doanh hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh kho bãi;
- Mua bán nông sản;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Đại lý vé máy bay;
- Mua bán thiết bị tin học;
- Đại lý dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức hội nghị, hội thảo;
- Mua bán máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, phụ tùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, đồ điện - điện tử - điện gia dụng, bếp ga, rượu, bia, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội), dụng cụ thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ), mỹ phẩm, hàng nông lâm thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, hàng kim khí điện máy, hàng may mặc, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị xây dựng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Gia công hàng may mặc (trừ tẩy nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt may đan và gia công hàng đã qua sử dụng).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2009 là 111 người. Trong đó nhân viên quản lý là 75 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|-------------------|---|
| • Ông Nguyễn Công Khế | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 04/01/2006 |
| • Ông Ngô Minh Hải | Phó Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 04/01/2006
Miễn nhiệm ngày 18/4/2009 |
| • Ông Huỳnh Hải Minh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05/04/2008 |
| • Ông Nguyễn Quang Thông | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05/04/2008 |
| • Ông Nguyễn Ngọc Mỹ | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05/04/2008 |
| • Bà Nguyễn Thị Yến Mai | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/01/2006 |
| • Ông Trần Trọng Hòa | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/04/2009 |
| • Ông Nguyễn Hùng Cường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/04/2009 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Lê Phước Thanh Bình | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 04/01/2006 |
| • Ông Nguyễn Công Thắng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/01/2006 |
| • Ông Nguyễn Ngọc Sơn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/01/2006 |

Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Tuấn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------------|-------------------|--|
| • Ông Đỗ Ngọc Tuấn | Q. Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 19/01/2010 |
| • Ông Huỳnh Hải Minh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/08/2007
Miễn nhiệm ngày 19/01/2010 |
| • Bà Đặng Thị Thanh Hương | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2007 |
| • Ông Lê Minh Anh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 21/09/2009 |
| • Ông Lưu Văn Diệp | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 05/05/2008
Miễn nhiệm ngày 15/10/2009 |
| • Ông Phan Hùng Dũng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 05/05/2008
Miễn nhiệm ngày 25/09/2009 |
| • Ông Đỗ Văn Cẩm | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 21/09/2009
Miễn nhiệm ngày 01/01/2010 |
| • Bà Bùi Thị Hồng Minh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01/11/2008 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 511.3655886; Fax: (84) 511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Q. Tổng Giám đốc



Đỗ Ngọc Tuấn

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2010



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 623/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 05 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Truyền thông Thanh niên

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2009, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền Thông Thanh Niên (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 30. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Chúng tôi xin lưu ý rằng: Vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng, tuy nhiên cho đến thời điểm này, Công ty vẫn chưa góp đủ vốn đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 số 0304173170 ngày 17/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.



Phan Xuân Vạn
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0753/KTV

11/21/10 00:10:15

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.180.303.928	152.879.848.557
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.955.622.821	6.545.294.175
1. Tiền	111	5	10.955.622.821	6.545.294.175
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.168.384.429	110.563.961.168
1. Phải thu của khách hàng	131	6	31.681.713.544	106.396.699.833
2. Trả trước cho người bán	132	7	2.142.677.630	1.177.358.480
3. Các khoản phải thu khác	135	8	6.343.993.255	2.989.902.855
IV. Hàng tồn kho	140	9	41.181.394.452	30.503.342.809
1. Hàng tồn kho	141		41.181.394.452	30.503.342.809
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.874.902.226	5.267.250.405
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	153.689.858	202.084.592
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.241.404.180	2.408.933.644
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	1.479.808.188	2.656.232.169
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		127.102.974.916	85.212.312.314
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		69.519.884.133	43.913.399.127
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	36.178.703.782	10.600.845.530
- Nguyên giá	222		38.621.965.006	10.990.425.383
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.443.261.224)	(389.579.853)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	19.042.071.426	16.365.000.000
- Nguyên giá	225		20.993.571.428	16.365.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.951.500.002)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	3.855.315.662	6.815.345.000
- Nguyên giá	228		3.874.209.800	6.821.345.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.894.138)	(6.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	10.443.793.263	10.132.208.597
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		53.831.041.680	39.243.668.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	29.583.367.660	21.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	17	24.887.500.000	18.243.668.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(639.825.980)	
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.752.049.103	2.055.245.187
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	1.464.859.103	743.570.187
2. Tài sản dài hạn khác	268	19	2.287.190.000	1.311.675.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		225.283.278.844	238.092.160.871

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		108.518.474.109	119.455.635.101
I. Nợ ngắn hạn	310		91.872.934.109	110.939.659.926
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	21.164.440.000	55.762.619.639
2. Phải trả cho người bán	312	21	59.327.315.206	45.755.214.664
3. Người mua trả tiền trước	313	22	5.043.550.265	1.870.130.705
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	23	1.874.859.949	5.050.888.674
5. Phải trả người lao động	315		893.432.519	729.786.944
6. Chi phí phải trả	316	24	371.036.085	79.997.430
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	25	3.198.300.085	1.691.021.870
II. Nợ dài hạn	330		16.645.540.000	8.515.975.175
1. Vay và nợ dài hạn	334	26	16.645.540.000	8.500.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			15.975.175
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		116.764.804.735	118.636.525.770
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	116.620.706.387	119.019.787.151
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		98.798.500.000	98.798.500.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(63.423.854)	
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.079.000.000	79.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.148.000.000	150.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.658.630.241	19.992.287.151
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		144.098.348	(383.261.381)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		144.098.348	(383.261.381)
2. Nguồn kinh phí	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		225.283.278.844	238.092.160.871

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


	31/12/2009 USD	31/12/2008 USD
Ngoại tệ các loại (USD)	3.694,51	114.665,37

Q. Tổng Giám đốc

Đỗ Ngọc Tuấn

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2010

Kế toán trưởng



Bùi Thị Hồng Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	220.247.266.529	215.198.181.896
2. Các khoản giảm trừ	02		-	323.850.909
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		220.247.266.529	214.874.330.987
4. Giá vốn hàng bán	11	29	208.975.298.620	205.171.297.983
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC dịch vụ	20		<u>11.271.967.909</u>	<u>9.703.033.004</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	20.462.806.402	29.720.602.168
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	31	4.559.278.111	2.731.442.986
Trong đó: Lãi vay	23		3.293.500.648	1.639.485.411
8. Chi phí bán hàng	24		2.684.074.018	2.916.653.256
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.066.732.192	8.349.067.037
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>12.424.689.990</u>	<u>25.426.471.893</u>
11. Thu nhập khác	31	32	17.840.738	16.418.640.686
12. Chi phí khác	32	33	90.685.108	16.394.999.658
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(72.844.370)</u>	<u>23.641.028</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>12.351.845.620</u>	<u>25.450.112.921</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	1.825.298.443	5.488.000.000
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>10.526.547.177</u>	<u>19.962.112.921</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.065	2.025

Q. Tổng Giám đốc


Đỗ Ngọc Tuấn

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2010

Kế toán trưởng



Bùi Thị Hồng Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Chi tiêu	Mã số	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	312.227.970.370	204.904.325.750
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(186.897.920.954)	(230.435.319.255)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.937.336.899)	(3.999.976.413)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.082.727.981)	(1.639.485.411)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(4.842.959.059)	(2.004.174.542)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	26.767.273.493	34.833.867.886
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(49.795.050.475)	(31.677.583.365)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	86.439.248.495	(30.018.345.350)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(32.448.744.047)	(24.464.779.460)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.800.000.000)	(20.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	1.800.000.000	46.290.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(16.323.925.417)	(36.608.668.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.263.668.000	80.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	712.288.663	1.585.822.275
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(46.796.712.801)	(33.617.625.185)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	5.020.000.000
2. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	101.925.499.374	92.662.619.639
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(125.386.119.013)	(38.400.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.992.020.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.783.121.567)	(3.620.533.186)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.235.761.206)	55.662.086.453
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	4.406.774.488	(7.973.884.082)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.545.294.175	14.448.501.741
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.554.158	70.676.516
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10.955.622.821	6.545.294.175

010070
NG TY
J.H.F
J.T.O.
É TOI
TẾ TP.

Q. Tổng Giám đốc

Đỗ Ngọc Tuấn

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2010

Kế toán trưởng

Bùi Thị Hồng Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

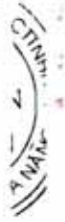
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Truyền thông Thanh niên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2006. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã sáu lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần gần nhất vào ngày 17/12/2009 với số đăng ký kinh doanh mới là 0304173170. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty có 2 Chi nhánh bao gồm:

- Chi nhánh Nhà in Thanh niên Đà Nẵng – Lô C4, Thanh Lộc Đán, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập Đoàn Truyền thông Thanh niên – Số 26 – 81/35, đường Linh Lang, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Dịch vụ quảng cáo, thương mại;
- Tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại;
- In ấn và phát hành sách báo, văn hóa phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không tổ chức và hoạt động tại trụ sở);
- Mua sách báo, văn hóa phẩm có nội dung được phép lưu hành;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh nhà, môi giới bất động sản;
- Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng ngành in;
- Dịch vụ tư vấn du học, giáo dục bậc trung học, đào tạo nghề;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn nhà hàng (không kinh doanh hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh kho bãi;
- Mua bán nông sản;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Đại lý vé máy bay;
- Mua bán thiết bị tin học;
- Đại lý dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức hội nghị, hội thảo;
- Mua bán máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, phụ tùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, đồ điện - điện tử - điện gia dụng, bếp ga, rượu, bia, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội), dụng cụ thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ), mỹ phẩm, hàng nông lâm thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, hàng kim khí điện máy, hàng may mặc, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị xây dựng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;

- Gia công hàng may mặc (trừ tẩy nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt may đan và gia công hàng đã qua sử dụng).
- Trang trí nội ngoại thất.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	3
Tài sản cố định thuê tài chính	8 – 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được phản ánh theo nguyên giá và không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng (thời hạn thuê) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Mức khấu hao tùy thuộc vào thời gian thuê đất.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoản thời gian người lao động làm việc tại công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.11 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.12 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

4.13 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp của năm 2009 theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với dịch vụ quảng cáo, du lịch; Mức thuế suất 5% đối với Giấy in báo, các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	414.049.681	1.165.379.163
Tiền gửi ngân hàng	10.541.573.140	5.379.915.012
Tiền gửi VND	10.475.289.935	3.433.241.025
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	7.202.325.080	1.912.031.207
- Ngân hàng Việt Nam Thương Tín	3.013.373.278	-
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	129.601.849	1.333.034.902
- Ngân hàng Công thương Việt Nam	86.845.839	4.321.156
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	39.642.582	8.338.662
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	3.501.307	-
- Ngân hàng Thương mại và Phát triển Nhà TPHCM	-	175.515.098
Tiền gửi ngoại tệ (USD)	66.283.205	1.946.673.987
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sài Gòn	57.072.833	53.889.412
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	9.200.504	1.852.006.330
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	9.868	36.974.039
- Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	3.804.206
Cộng	10.955.622.821	6.545.294.175

6. Phải thu khách hàng

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tại Văn phòng	28.757.517.675	106.095.649.833
Báo Thanh Niên	15.904.409.507	59.443.706.560
Công ty TNHH Dệt Kim Hiệp Phong	-	9.728.984
DNTN Thương Mại Giấy Đức Phát	56.437.500	-
Công ty CP in bao bì Đạt Thành	35.949.900	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Phải thu khách hàng (tiếp theo)

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Công ty TNHH in bao bì Lê Nhân	140.404.019	-
Công ty TNHH TM Tân Thuận Thái	30.000.000	-
Công ty TNHH TM & DV Ngân Long	582.709.528	-
Hàng nhập khẩu - phòng kinh doanh	1.940.757.032	-
Công ty TNHH Một Thành Viên thể thao Tiến	466.000.000	-
Công ty TNHH HNH	907.233.250	-
Công ty TNHH TM DV Kiến Vàng	126.316.801	-
CN Tạp chí người XD tại miền trung đô thị & phát triển	55.552.000	-
Công ty TNHH Cây dừa thân	80.676.000	109.800.000
Công ty TNHH in Hậu Giang	51.750.002	51.750.002
Công ty TNHH in Hưng Thành	-	157.934.513
Công ty Cổ Phần in Scitech	-	578.166.120
Công ty Cổ Phần in và bao bì Đồng Tháp	16.900.000	171.869.901
Nguyễn Văn Thái		28.000.000.000
Phạm Khắc Tuấn	8.000.000.000	
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính	-	10.000.000.000
Cơ sở Hiệp Hưng	-	138.896.991
Công ty TNHH Toàn Tấn	-	184.415.000
Xí nghiệp in báo Thanh Niên	-	7.224.178.342
Các khách hàng khác "dưới 30.000.000 đồng"	362.422.136	25.203.420
Tại Chi nhánh Hà Nội	2.924.195.869	-
Báo thanh niên	2.529.993.259	-
Xí nghiệp giấy Minh Quân	14.703.210	-
Công ty in tạp chí cộng sản	379.499.400	-
Tại Trung tâm	-	301.050.000
Công ty truyền thông 5 sao	-	48.420.000
Công ty truyền thông tiếp thị	-	72.630.000
Công ty cổ phần thương mại	-	180.000.000
Cộng	31.681.713.544	106.396.699.833

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Trả trước cho người bán

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tại Văn phòng	2.016.677.630	1.177.358.480
Công ty Chứng khoán ngân hàng Đông Á	80.000.000	-
Công ty TNHH TBCB ĐT Tân Long	-	241.140.000
Công ty TNHH TM & DV Điện tử Hồng Nhân	516.010.000	-
Fuan Huari Brake Material Co., Ltd	-	89.150.980
Công ty TNHH TM và QC Lữ Nhạc	211.466.750	-
CTY TNHH TMDV Lộc Lê Hải	-	655.837.500
CTY TNHH Tư vấn Thiết kế Kiến trúc và XD Nghi Hân	-	110.480.000
Công ty TNHH MTV TMSXDV Văn Hoá Ngọc Vũ	319.550.000	-
Công ty TNHH TM và DV Trần Linh	112.860.000	-
Trung Tâm Văn hoá Hoà Bình Q10	335.500.000	-
Phùng Thị Đức Trân	277.185.000	-
Các khách hàng khác "dưới 30.000.000 đồng"	164.105.880	80.750.000
Tại Chi nhánh Hà Nội	126.000.000	-
Ngô Thị Thu Nga	126.000.000	-
Cộng	<u>2.142.677.630</u>	<u>1.177.358.480</u>

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Thương Mại Toàn Lực	4.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính XN In Báo Thanh Niên	565.140.476	818.250.000
Công ty CP Bất động sản Thanh Niên	56.829.248	500.000.000
Báo Thanh Niên	1.550.000.000	56.829.248
Các đối tượng khác "dưới 30.000.000 đồng"	172.023.531	1.550.000.000
Cộng	<u>6.343.993.255</u>	<u>2.989.902.855</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Hàng mua đang đi đường	12.100.000.500	-
Nguyên liệu, vật liệu	7.667.008.519	1.106.480.277
Công cụ, dụng cụ	-	8.670.455
Chi phí SX, KD dở dang	596.213.274	-
Hàng hóa	20.818.172.159	29.388.192.077
Cộng giá gốc hàng tồn kho	41.181.394.452	30.503.342.809

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Chi phí bảo hiểm tài sản	24.825.409	21.332.652
Chi phí may đồng phục CBCNV năm 2010	49.500.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn tại Trung tâm	-	24.400.000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ tại Văn Phòng	16.504.665	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ tại Đà Nẵng	8.415.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	54.444.784	156.351.940
Cộng	153.689.858	202.084.592

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Đặng Thị Thanh Hương	350.000.000	-
Đặng Thị Thanh Trang	469.600.000	-
Trần Bắc Trung (CN Hà Nội)	-	365.433.000
Đỗ Ngọc Tuấn (CN Hà Nội)	373.980.000	2.170.000.000
Võ Thị Tường Vi	124.720.000	-
Nguyễn Tấn Cư	55.000.000	-
Các cá nhân khác (dưới 30.000.000 đồng)	106.508.188	120.799.169
Cộng	1.479.808.188	2.656.232.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	5.607.987.755	3.521.706.508	860.225.967	962.634.153	37.871.000	10.990.425.383
Mua sắm trong năm	2.274.270.860	557.861.068	845.248.044	254.797.619	-	3.932.177.591
Đ/từ XDCB h/thành	-	23.835.130.228	-	-	-	23.835.130.228
Thanh lý				85.615.455		85.615.455
Giảm do góp vốn	-	-	-	50.152.741	-	50.152.741
Số cuối năm	7.882.258.615	27.914.697.804	1.705.474.011	1.081.663.576	37.871.000	38.621.965.006
Khấu hao						
Số đầu năm	70.099.847	90.312.361	107.434.377	118.577.351	3.155.917	389.579.853
Khấu hao trong năm	361.566.534	1.312.693.722	156.803.952	239.752.824	12.623.664	2.083.440.696
Thanh lý				25.684.633		25.684.633
Giảm do góp vốn	-	-	-	4.074.692	-	4.074.692
Số cuối năm	431.666.381	1.403.006.083	264.238.329	328.570.850	15.779.581	2.443.261.224
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	5.537.887.908	3.431.394.147	752.791.590	844.056.802	34.715.083	10.600.845.530
Số cuối năm	7.450.592.234	26.511.691.721	1.441.235.682	753.092.726	22.091.419	36.178.703.782

Trong tổng tài sản cố định hữu hình có hệ thống máy in cuộn hiện đang thế chấp tại ngân hàng. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 31/12/2009 là 18.562.582.706 đồng.

13. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	16.365.000.000	16.365.000.000
Thuê tài chính trong năm	4.628.571.428	4.628.571.428
Giảm trong năm		
Số cuối năm	20.993.571.428	20.993.571.428
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	1.951.500.002	1.951.500.002
Giảm trong năm		
Số cuối năm	1.951.500.002	1.951.500.002
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	16.365.000.000	16.365.000.000
Số cuối năm	19.042.071.426	19.042.071.426

Tài sản cố định thuê tài chính là hệ thống máy in cuộn, máy in offset tờ rời mà Công ty thuê của Công ty TNHH Một Thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu theo hợp đồng thuê tài chính số 07.12.08/HĐCTTCLB ngày 31/12/2008 và hợp đồng số 02.05.09/HĐCTTC-TN ngày 25/5/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị thương hiệu VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.803.345.000	3.000.000.000	18.000.000	6.821.345.000
Mua trong năm	-	-	52.864.800	52.864.800
Giảm vốn góp bằng thương hiệu (*)	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Số cuối năm	3.803.345.000	-	70.864.800	3.874.209.800
Khấu hao				
Số đầu năm	-	-	6.000.000	6.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	12.894.138	12.894.138
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	18.894.138	18.894.138
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	3.803.345.000	3.000.000.000	12.000.000	6.815.345.000
Số cuối năm	3.803.345.000	-	51.970.662	3.855.315.662

(*) Giảm do Báo Thanh niên thay thế việc góp vốn bằng giá trị thương hiệu trước đây bằng số tiền cổ tức được nhận năm 2008.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền thuê đất KCN Tiên Sơn - Bắc Ninh	10.011.036.182	10.011.036.182
Công trình "Nhà máy In Hà Nội"	-	121.172.415
Xe Ô tô tái cho CN Đà Nẵng	173.484.666	-
Nhà máy in Hà Nội	259.272.415	-
Cộng	10.443.793.263	10.132.208.597

16. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Công ty CP Cao ốc Thanh niên (Detesco) (i)	28.000.000.000	21.000.000.000
Đầu tư Cty TNHH MTV Giải trí Thanh Niên	1.000.000.000	-
Đầu tư Cty TNHH MTV Q.Cáo Phát hành Thanh Niên	583.367.660	-
Cộng	29.583.367.660	21.000.000.000

(i) Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao ốc Thanh niên Detesco là 80 tỷ đồng (trong đó, Công ty cam kết góp 52 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 65% vốn điều lệ). Tuy nhiên, cho đến ngày 31/12/2009, các cổ đông mới góp được 56 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh niên góp 28 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 50% vốn thực tế đã góp. Dự án của Công ty Cổ phần Cao ốc Thanh niên Detesco đang trong giai đoạn đầu tư; thời gian dự kiến hoàn thành, đưa vào sử dụng khai thác tháng 9/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	24.887.500.000	18.243.668.000
Đầu tư sản xuất phim - Áo Cười Thiên Đường	1.600.000.000	480.000.000
Đầu tư sản xuất phim - Giải cứu Thần Chết		1.263.668.000
Đầu tư sản xuất phim - Nhật ký Bạch Tuyết	1.300.000.000	
Đầu tư sản xuất phim - Khi yêu đừng quay đầu lại	487.500.000	
Hợp tác sản xuất phim với Hãng phim Thanh Niên	2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư - Cty CP Bất động sản Thanh Niên (ii)	14.000.000.000	14.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	5.000.000.000	
Cộng	24.887.500.000	18.243.668.000

(ii) Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103010620 đã thay đổi lần thứ nhất ngày 30/9/2008, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bất động sản Thanh niên là 280 tỷ đồng, trong đó, Công ty cam kết góp 78,4 tỷ đồng tương ứng với 28% vốn điều lệ. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2009, vốn thực góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Bất động sản Thanh niên là 14 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Bất động sản Thanh niên hiện đang hoàn tất các thủ tục triển khai dự án, dự kiến khởi công công trình cuối quý 2/2010.

18. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.110.207.777	447.247.058
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ tại CN Hà Nội	32.544.325	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ tại CN Đà Nẵng	85.048.500	-
Lỗ do bán và thuê Tài chính máy in Đà Nẵng	237.058.501	296.323.129
Cộng	1.464.859.103	743.570.187

19. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Đặt cọc tiền thuê nhà	1.108.740.000	1.311.675.000
Tiền cọc hợp đồng máy in tờ rời Đà Nẵng	1.158.450.000	-
Đặt cọc tiền thuê nhà CN Hà Nội	20.000.000	-
Cộng	2.287.190.000	1.311.675.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn	16.100.000.000	54.262.619.639
Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh TPHCM	-	15.262.619.639
Công ty CP DL & TM Vinpearl	-	39.000.000.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương tín	16.100.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	5.064.440.000	1.500.000.000
Nợ thuế tài chính Ngân Hàng Á Châu đến hạn trả	2.748.440.000	1.500.000.000
Nợ vay dài hạn Ngân Hàng Đông Á đến hạn trả	2.316.000.000	-
Cộng	21.164.440.000	55.762.619.639

21. Phải trả người bán

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tại Văn phòng	39.958.299.959	45.647.044.664
Công ty TNHH Giấy Hưng Thịnh	-	1.176.585.428
John.Rieckermann E.K	-	5.636.364.000
Công ty TNHH Thương mại DVB Kôvi	168.489.750	205.927.920
CN Công ty TNHH Thiết bị In SPM	191.561.246	136.555.496
Công ty CP Xây lắp Thủy sản Việt nam	-	292.263.363
Công ty CP Thương mại Toàn Lực	13.988.751.138	18.643.765.766
Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn	-	17.965.499.374
Blue Hill Enterprise Hill Co., Ltd	468.636.861	107.803.950
Công ty đầu tư và phát triển Kỳ Hà - Chu Lai	22.015.934.797	-
Công ty TNHH TM Đắc Nguyên	844.743.862	-
Công ty TNHH MTV CB - In Sài Gòn 3	138.141.779	-
Công ty CP SXTM Mêkông	-	1.415.157.167
Xí nghiệp in thống kê TP HCM	44.692.200	-
CN Tổng công ty CN in bao bì Liksin - TT KD	59.611.200	-
Công ty XNK ngành in TP HCM	150.000.000	-
Giải Bóng đá U21 - HD Pepsico	400.000.000	-
Công ty kinh doanh bất động sản - Viglacera	79.570.431	-
Eland International invest Co. Ltd	899.830.855	-
Nec TrangDinh., Ltd	403.533.637	-
Các khách hàng khác "dưới 30.000.000 đồng"	104.802.203	67.122.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

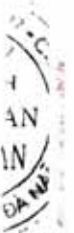
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Phải trả người bán (tiếp theo)

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tại Hà Nội	19.369.015.247	91.120.000
Công ty CP Thương mại Toàn Lực	18.851.427.643	-
CN Công ty TNHH Thiết bị In SPM	455.402.254	-
Báo Thanh Niên tại Hà Nội	-	91.120.000
Các khách hàng khác "dưới 30.000.000 đồng"	62.185.350	-
Tại Trung tâm	-	17.050.000
Bệnh viện Phương Đông	-	17.050.000
Cộng	59.327.315.206	45.755.214.664

22. Người mua trả tiền trước

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tại Văn phòng	5.043.550.265	1.870.130.705
Người mua trả tiền trước	2.103.627.570	1.870.130.705
Cửa hàng Vinpearl Nha Trang	-	68.074.995
Huyện Hải Long	-	1.724.737.911
Công ty CP Cơ khí Đại Phát	-	77.317.799
Cơ sở Hiệp Hưng	56.367.052	-
Tiền bán vé Chương trình Duyên dáng Việt Nam 21	2.018.500.000	-
Các khách hàng khác "dưới 30.000.000 đồng"	28.760.518	-
Doanh thu chưa thực hiện	2.939.922.695	-
Thẻ membership	345.000.000	-
Tiền tài trợ Chương trình Duyên Dáng Việt Nam 21	2.594.922.695	-
Cộng	5.043.550.265	1.870.130.705



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	15.191.053
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	25.318.407
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.825.298.443	4.842.959.059
Thuế thu nhập cá nhân	49.561.506	167.420.155
Cộng	1.874.859.949	5.050.888.674

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

24. Chi phí phải trả

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Chi phí trả trước khác	3.058.650	-
Chi phí thẻ Membership	297.744.164	-
Chi phí quảng cáo	-	6.987.020
Tài trợ cuộc thi báo Thanh niên Thể thao	-	50.000.000
Chi phí hoa hồng	70.233.271	23.010.410
Cộng	371.036.085	79.997.430

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	72.038.166	67.676.087
Bảo hiểm xã hội	8.694.243	5.549.671
Bảo hiểm y tế	140.844	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.117.426.832	1.617.796.112
<i>Công ty CP Truyền Thông Bách Việt Phương Nam</i>	<i>646.750.000</i>	<i>315.917.000</i>
<i>Công ty CP XDCT 2-9</i>	<i>-</i>	<i>549.579.489</i>
<i>Công ty Raas night</i>	<i>111.500.000</i>	<i>111.500.000</i>
<i>Công ty CP Công nghệ Việt kiều</i>	<i>160.000.000</i>	<i>160.000.000</i>
<i>Cổ tức</i>	<i>343.571.308</i>	<i>262.488.788</i>
<i>Báo Thanh Niên</i>	<i>-</i>	<i>188.532.784</i>
<i>Quỹ nhân tài đất Việt - Học Bổng Nguyễn Thái Bình</i>	<i>300.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Xí nghiệp in Báo Thanh Niên</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>55.605.524</i>	<i>29.778.051</i>
Cộng	3.198.300.085	1.691.021.870

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Vay dài hạn	7.526.000.000	-
<i>Vay ngân hàng Đông Á</i>	<i>7.526.000.000</i>	-
Nợ dài hạn	9.119.540.000	8.500.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Cho thuê TC NH Á Châu</i>	<i>9.119.540.000</i>	<i>8.500.000.000</i>
Cộng	16.645.540.000	8.500.000.000

Thuê tài chính Hệ thống máy in cuộn của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu theo Hợp đồng thuê tài chính số 07.12.08/HĐCTTCLB ngày 31/12/2008. Thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày 12/01/2009, lãi suất cho thuê điều chỉnh 6 tháng 1 lần với mức lãi suất trong hạn bằng lãi suất thời điểm + 1,2%/năm. Tổng giá trị hợp đồng thuê tài chính là 17.183.250.000 đồng. Kết thúc thời hạn thuê, bên thuê được mua lại tài sản với giá 50.000.000 đồng.

Thuê tài chính Máy in tờ rời của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu theo Hợp đồng thuê tài chính số 02.05.09/HĐCTTC-TN ngày 25/5/2009. Thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày 12/01/2009, tổng giá trị tài sản là 4.860.000.000 đồng, trị giá thuê là 3.742.200.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

27. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2008	93.778.500.000		79.000.000	150.000.000	3.913.196.204	97.920.696.204
Tăng trong năm	5.020.000.000				19.962.112.921	24.982.112.921
Giảm trong năm					3.883.021.974	3.883.021.974
Số dư tại 31/12/2008	98.798.500.000	-	79.000.000	150.000.000	19.992.287.151	119.019.787.151
Số dư tại 01/01/2009	98.798.500.000		79.000.000	150.000.000	19.992.287.151	119.019.787.151
Tăng trong năm			1.000.000.000	998.000.000	10.526.547.177	12.524.547.177
Giảm trong năm		63.423.854			14.860.204.087	14.923.627.941
Số dư tại 31/12/2009	98.798.500.000	(63.423.854)	1.079.000.000	1.148.000.000	15.658.630.241	116.620.706.387

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước- Báo Thanh Niên (51%)	51.500.000.000	51.500.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	47.298.500.000	47.298.500.000
<i>Cổ đông là các pháp nhân</i>	<i>15.257.500.000</i>	<i>15.257.500.000</i>
<i>Cổ đông là cá nhân</i>	<i>32.041.000.000</i>	<i>32.041.000.000</i>
Cộng	98.798.500.000	98.798.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2009	31/12/2008
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu thường	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.879.850	9.879.850
- Cổ phiếu thường	9.879.850	9.879.850
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Công ty đã điều chỉnh mệnh giá cổ phiếu từ 100.000 đồng/cổ phiếu thành 10.000 đồng/cổ phiếu.

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	19.992.287.151	3.913.196.204
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.526.547.177	19.962.112.921
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	14.860.204.087	3.883.021.974
- Quỹ đầu tư phát triển	1.000.000.000	-
- Quỹ dự phòng tài chính	998.000.000	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	998.000.000	-
- Chia cổ tức, lợi nhuận	11.864.204.087	3.883.021.974
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.658.630.241	19.992.287.151

Công ty đã trích lập các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18/4/2009

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tổng doanh thu	220.247.266.529	215.198.181.896
+ Doanh thu bán hàng	212.817.594.982	207.262.264.662
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.429.671.547	7.935.917.234
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	323.850.909
+ Hàng bán bị trả lại	-	323.850.909
Doanh thu thuần về bán hàng hóa, dịch vụ	220.247.266.529	214.874.330.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

29. Giá vốn hàng bán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn hàng hóa	165.546.151.098	189.918.539.613
Giá vốn của thành phẩm đã bán	38.459.445.295	8.563.166.036
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.969.702.227	6.689.592.334
Cộng	208.975.298.620	205.171.297.983

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	233.187.577	919.298.462
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	434.170.143	66.523.813
Lợi nhuận được chia từ việc hợp tác với Công ty Hải My	82.400.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	286.798.682	134.779.893
Chiết khấu thanh toán	426.250.000	-
Lãi nhượng quyền góp vốn	19.000.000.000	28.000.000.000
Cộng	20.462.806.402	29.720.602.168

31. Chi phí tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	3.293.500.648	1.639.485.411
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	574.412.489
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	625.839.483	386.509.089
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	639.825.980	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	131.035.997
Chi phí tài chính khác	112.000	-
Cộng	4.559.278.111	2.731.442.986

32. Thu nhập khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thu nhập từ bán thanh lý TSCĐ, CCDC	-	16.365.000.000
Các khoản khác	17.840.738	53.640.686
Cộng	17.840.738	16.418.640.686

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

33. Chi phí khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí hoạt động bán thanh lý, chuyển nhượng tài sản	59.930.822	16.365.000.000
Chi phí khác	30.754.286	29.999.658
Cộng	90.685.108	16.394.999.658

34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.351.845.620	25.450.112.921
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(1.921.568.800)	238.512.184
Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	706.910.504	305.035.997
- Chi phí không hợp lệ (tiền phạt, phụ cấp HĐQT,...)	574.403.409	174.000.000
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		131.035.997
- Chênh lệch lãi vay tương ứng vốn điều lệ góp thiếu	132.507.095	
Điều chỉnh giảm	2.628.479.304	66.523.813
Chuyển lỗ năm 2008	2.194.309.161	
Thu nhập từ cổ tức		51.750.000
LN được chia từ hợp tác làm phim	434.170.143	14.773.813
Tổng thu nhập chịu thuế	10.430.276.820	25.688.625.105
Thu nhập từ HĐ sản xuất kinh doanh	(8.569.723.180)	(2.311.374.895)
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng quyền góp vốn	19.000.000.000	28.000.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.607.569.205	7.840.000.000
Thuế TNDN được giảm 30% theo TT03/2009/TT-BTC	782.270.762	2.352.000.000
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.825.298.443	5.488.000.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.526.547.177	19.962.112.921

Công ty được giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp của quý 4/2008 và năm 2009 theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.526.547.177	19.962.112.921
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ LN hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	10.526.547.177	19.962.112.921
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.879.850	9.856.145
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.065	2.025

Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 27c, Công ty đã điều chỉnh mệnh giá cổ phiếu từ 100.000 đồng thành 10.000 đồng. Theo đó, số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân và lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2008 đã được trình bày lại theo mệnh giá mới nhằm đảm bảo tính so sánh.

36. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.750.332.857	8.268.115.713
Chi phí nhân công	8.036.891.538	5.692.613.014
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.047.834.836	795.828.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.721.153.347	1.723.458.842
Chi phí khác bằng tiền	4.765.170.052	3.348.870.224
Cộng	50.321.382.630	19.828.886.356

37. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 của Công ty vào ngày 18/04/2009 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2008 là 12%/vốn điều lệ, trích lập quỹ đầu tư phát triển 1 tỷ đồng, trích 5% quỹ dự phòng tài chính và 5% quỹ khen thưởng phúc lợi.

38. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Thông tin các bên liên quan

Tên công ty	Mối quan hệ
Công ty CP Cao ốc Thanh niên (Detesco)	Công ty con
Công ty TNHH MTV Giải trí Thanh Niên	Công ty con
Công ty TNHH MTV Quảng cáo Thanh niên	Công ty con
Hãng phim Thanh niên	Hợp tác kinh doanh
Công ty CP Bất động sản Thanh niên	Đầu tư dài hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Vào ngày 31/12/2009, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

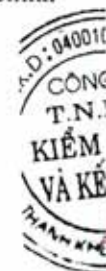
Các khoản phải thu	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Báo thanh niên		
<i>Phải thu tiền mua hàng</i>	18.434.402.766	
<i>Phải thu khác</i>	1.550.000.000	
Cộng	<u>19.984.402.766</u>	

c. Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Năm 2009 VND
Lương của Ban Tổng Giám đốc	1.311.679.090
Tổng Giám đốc	383.500.000
Các Phó Tổng Giám đốc	928.179.090
Thù lao của Hội đồng quản trị	1.027.695.833
Chủ tịch	600.000.000
Trợ lý chủ tịch HĐQT	78.695.833
Thành viên	324.000.000
Thư ký	25.000.000
Cộng	<u>2.339.374.923</u>

39. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

40. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi AAC.



Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2010

Kế toán trưởng

Bùi Thị Hồng Minh

